



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA
NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

Áp dụng cho Học viên học Chương trình TNU - Elearning khai giảng từ ngày 01/4/2024

STT	CẤU TRÚC KIẾN THỨC		TÍN CHỈ	ĐỐI TƯỢNG		
				Đã có 1 bằng Đại học, Cao đẳng cùng ngành	Trung cấp cùng ngành	THPT
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương				12	18	36
1	1	Triết học Mác-Lênin (Marxist-Leninist Philosophy)	3	0	0	3
2	2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxist-Leninist political economy)	2	0	2	2
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	2	0	0	2
4	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)	2	0	2	2
5	5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	2	0	2	2
6	6	Pháp luật đại cương (General law)	3	0	0	3
7	7	Dẫn luận ngôn ngữ (Introduction to Language)	2	0	0	2
8	8	Tiếng Việt (Vietnamese)	3	0	0	3
9	9	Lý luận Nhà nước và pháp luật 1 (General Theory of State and Law 1)	2	0	0	2
10	10	Tin học đại cương (General Informatics)	3	0	0	3
11	11	Nhập môn Internet và Elearning (Introduction to Internet & E-learning)	3	3	3	3
12	12	Phát triển kỹ năng cá nhân (Personal skill development)	3	3	3	3
Học phần tự chọn (học viên chọn 1 trong 2 ngoại ngữ)						
13	13	Tiếng Pháp 1 (French 1)	3	3	3	3
14	14	Tiếng Trung 1 (Chinese 1)	3	3	3	3
15	15	Tiếng Pháp 2 (French 2)	3	3	3	3
16	16	Tiếng Trung 2 (Chinese 2)	3	3	3	3



STT	CẤU TRÚC KIẾN THỨC		TÍN CHỈ	ĐỐI TƯỢNG		
				Đã có 1 bằng Đại học, Cao đẳng cùng ngành	Trung cấp cùng ngành	THPT
II. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				73	79	88
II.1. Kiến thức cơ sở ngành				52	58	67
17	1	Văn hóa Việt Nam (Vietnamese culture)	3	0	3	3
18	2	Phân tích văn bản Tiếng Việt (Vietnamese text analysis)	3	0	3	3
19	3	Quản trị hành chính văn phòng (Office administration)	3	0	0	3
20	4	Luyện âm tiếng Anh (English Pronunciation Drills)	2	2	2	2
21	5	Ngữ âm học tiếng Anh (English phonetics)	3	0	3	3
22	6	Ngữ pháp tiếng Anh cơ bản (English Grammar)	2	2	2	2
23	7	Khẩu ngữ tiếng Anh trung cấp 1 (English Oral Proficiency - Intermediate 1)	4	4	4	4
24	8	Bút ngữ tiếng Anh trung cấp 1 (English Written Proficiency - Intermediate 1)	4	4	4	4
25	9	Khẩu ngữ tiếng Anh trung cấp 2 (English Oral Proficiency - Intermediate 2)	4	4	4	4
26	10	Bút ngữ tiếng Anh trung cấp 2 (English Written Proficiency - Intermediate 2)	4	4	4	4
27	11	Khẩu ngữ tiếng Anh trung cấp 3 (English Oral Proficiency - Intermediate 3)	3	3	3	3
28	12	Bút ngữ tiếng Anh trung cấp 3 (English Written Proficiency - Intermediate 3)	3	3	3	3
29	13	Khẩu ngữ tiếng Anh cao cấp 1 (English Oral Proficiency - Advanced 1)	3	3	3	3
30	14	Bút ngữ tiếng Anh cao cấp 1 (English Written Proficiency - Advanced 1)	3	3	3	3
31	15	Khẩu ngữ tiếng Anh cao cấp 2 (English Oral Proficiency - Advanced 2)	3	3	3	3
32	16	Bút ngữ tiếng Anh cao cấp 2 (English Written Proficiency - Advanced 2)	3	3	3	3
33	17	Khẩu ngữ tiếng Anh cao cấp 3 (English Oral Proficiency - Advanced 3)	4	4	4	4
34	18	Bút ngữ tiếng Anh cao cấp 3 (English Written Proficiency - Advanced 3)	4	4	4	4
35	19	Ngữ pháp tiếng Anh nâng cao (Advanced English Grammar)	3	3	0	0



STT	CẤU TRÚC KIẾN THỨC		TÍN CHỈ	ĐỐI TƯỢNG		
				Đã có 1 bằng Đại học, Cao đẳng cùng ngành	Trung cấp cùng ngành	THPT
36	20	Đất nước học Anh Mỹ (Country Study (UK-US))	3	3	3	3
37	21	Ngôn ngữ học đối chiếu (Introduction to contrastive linguistics)	3	0	0	3
38	22	Dịch tiếng Anh (Translation (English))	3	0	0	3
II.2. Kiến thức chuyên ngành và các học phần thay thế thi tốt nghiệp				21	21	21
39	1	Biên dịch tiếng Anh (English Translation)	3	3	3	3
40	2	Phiên dịch tiếng Anh 1 (English Interpretation 1)	3	3	3	3
41	3	Phiên dịch tiếng Anh 2 (English Interpretation 2)	3	3	3	3
42	4	Thuyết trình tiếng Anh (Presentation in English)	3	3	0	0
43	5	Ngữ nghĩa học (Semantics)	3	3	0	0
44	6	Dịch thuật du lịch (Travel translation)	3	3	3	3
45	7	Tiếng Anh giao tiếp kinh doanh (English for Business Communication)	3	3	3	3
46	8	Tiếng Anh du lịch khách sạn (English for Tourism and Hospitality)	3	0	3	3
47	9	Tiếng Anh thương mại (Business English)	3	0	3	3
TỔNG SỐ TÍN CHỈ				85	97	124

Ghi chú:

Thời gian đào tạo căn cứ vào hồ sơ, văn bằng của học viên khi xét tuyển (tính từ ngày có quyết định công nhận là học viên). Thời gian đào tạo:

- Tốt nghiệp PTTH, Trung cấp khác ngành: 4 năm
- Tốt nghiệp Trung cấp cùng ngành: 3 năm
- Tốt nghiệp Cao đẳng cùng ngành, đã có một bằng Đại học: 2,5 năm